

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2026/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 1462/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 188/BC-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2; khoản 16 và khoản 18 Điều 4; điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 22 Thông tư số 60/2026/TT-BTC hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) thực hiện Chương trình thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 2 Thông tư số 60/2026/TT-BTC và Điều 2 Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, nhiệm vụ được giao và dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ động bố trí ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã) để chi cho các nội dung sau:

- a) Chi hoạt động bộ máy và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của cơ quan, đơn vị;
- b) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; biên soạn, thẩm định, in ấn, phát hành tài liệu tập huấn, sổ tay hướng dẫn; tổ chức hội nghị, hội thảo, đoàn ra, đoàn vào, tham quan, học tập kinh nghiệm;
- c) Rà soát, khảo sát, lập, điều chỉnh và số hóa quy hoạch;
- d) Truyền thông; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;
- đ) Quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình sau khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Mỗi mô hình, dự án (bao gồm dự án phát triển sản xuất thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia), phương án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt chỉ được hỗ trợ một lần từ kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị quyết này.

Chương II

QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

Điều 4. Một số nội dung và mức chi chung

1. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người được cử tham gia lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 50/2026/NQ-HĐND quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Chi công tác phí, tổ chức hội nghị, hội thảo: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Chi thông tin, tuyên truyền; phổ biến giáo dục pháp luật: thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 75/2026/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030; Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Chi dịch thuật và hiệu đính tài liệu phục vụ hoạt động chuyên môn thuộc Chương trình: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Chi điều tra, khảo sát, thống kê nội dung chuyên môn thuộc Chương trình:

a) Chi thực hiện các hoạt động điều tra, thống kê nội dung chuyên môn thuộc Chương trình: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 52/2026/NQ-HĐND quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

b) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

6. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; sơ kết, tổng kết, hội nghị; chi chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND và Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

7. Chi hội thảo khoa học trong nước, chi các hoạt động mang tính chất khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thuộc Chương trình: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND.

8. Chi các hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng phát triển thương hiệu; xúc tiến đầu tư: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2025/TT-BTC

hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu; Thông tư số 80/2022/TT-BTC hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư và Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND quy định nội dung chi và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Tháp.

9. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đối với các Nội dung thuộc các Nội dung thành phần của Chương trình: việc quản lý, sử dụng ngân sách, nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, quy trình, thủ tục thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 358/2025/NĐ-CP:

a) Mức chi hỗ trợ thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án phát triển sản xuất đối với trường hợp giao chủ dự án thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 24 Chương V Nghị định số 358/2025/NĐ-CP:

Đối với trường hợp chủ trì liên kết, các bên liên kết trực tiếp sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh hoặc tổ, nhóm cộng đồng tự sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ: mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 70% tổng chi phí sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ nhưng không vượt quá 350 triệu đồng/dự án.

Đối với trường hợp chủ dự án ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với bên cung cấp không phải là thành viên tham gia dự án: mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 50% tổng chi phí thanh toán nhưng không vượt quá 350 triệu đồng/dự án.

b) Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện 01 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị tối đa 50% tổng chi phí thực hiện dự án nhưng không vượt quá 500 triệu đồng cho 01 dự án theo quy định tại mục 2 Chương V Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

Mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án được thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự án, trong đó:

Hỗ trợ tối đa 70% chi phí tham gia dự án đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

Hỗ trợ tối đa 30% chi phí tham gia dự án đối với các đối tượng tham gia liên kết còn lại thuộc phạm vi hỗ trợ của Chương trình.

Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các đối tượng tham gia dự án không vượt quá mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án theo quy định tại Nghị

quyết này; mức hỗ trợ cụ thể được xác định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

c) Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện 01 dự án phát triển sản xuất của cộng đồng tối đa 70% tổng chi phí thực hiện dự án nhưng không vượt quá 500 triệu đồng cho 01 dự án theo quy định tại mục 3 Chương V Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

Mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án được thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự án, trong đó:

Hỗ trợ tối đa 90% chi phí tham gia dự án đối với hộ gia đình, người dân là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia dự án đối với các đối tượng còn lại thuộc phạm vi hỗ trợ của Chương trình.

Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các đối tượng tham gia dự án không vượt quá mức hỗ trợ tối đa đối với một dự án theo quy định tại Nghị quyết này; mức hỗ trợ cụ thể được xác định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

10. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với các Nội dung thuộc các Nội dung thành phần của Chương trình:

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình vùng sản xuất tập trung quy mô lớn (mô hình cánh đồng lớn, mô hình vùng nuôi tập trung); mô hình đồng bộ sản xuất (đồng bộ giống, đồng bộ kỹ thuật, đồng bộ thời vụ) theo hướng dẫn tại điểm d khoản 2 Điều 16 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 40% tổng chi phí thực hiện nhưng không vượt quá 500 triệu đồng/mô hình.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình cơ giới hóa đồng bộ, mô hình dịch vụ cơ giới hóa, mô hình xử lý phế phụ phẩm; mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư 23/2026/TT-BNNMT. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 40% tổng chi phí thực hiện nhưng không vượt quá 500 triệu đồng/mô hình.

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm (bao gồm: thuê thiết bị, mua nguyên vật liệu thực hiện mô hình, thiết kế tem nhãn, bao bì sản phẩm mới) theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 25 Thông

tư số 23/2026/TT-BNNMT. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 40% tổng chi phí thực hiện nhưng không vượt quá 300 triệu đồng/mô hình.

d) Hỗ trợ triển khai xây dựng các dự án/mô hình thí điểm hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng dẫn tại điểm d Điều 20 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT:

Đối tượng: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn; các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận; các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn.

Nội dung hỗ trợ: mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án, tổng kết dự án; quản lý dự án.

Mức hỗ trợ: mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 40% tổng chi phí thực hiện nhưng không vượt quá 500 triệu đồng/dự án.

đ) Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn tại điểm g khoản 1 Điều 23 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 40% tổng chi phí thực hiện mô hình nhưng không vượt quá 500 triệu đồng/mô hình.

e) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình vận động, phát huy vai trò của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển cộng đồng theo hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (Hợp phần thứ nhất). Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/mô hình.

g) Đối với các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình thực hiện các Nội dung thuộc các Nội dung thành phần của Chương trình chưa được quy định mức chi cụ thể tại Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác, mức hỗ trợ được xác định trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với mục tiêu, nội dung, quy mô theo quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 40% tổng chi phí thực hiện nhưng không vượt quá 200 triệu đồng cho một dự án, kế hoạch, phương án hoặc mô hình.

11. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ, nội dung chi chưa được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Thông tư số 60/2026/TT-BTC và Nghị quyết này thì mức chi được thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định mới trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 5. Hỗ trợ hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân theo văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung thuộc Chương trình của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Nội dung hỗ trợ:

- a) Thiết lập mới đài truyền thanh đối với các xã chưa có đài truyền thanh;
- b) Nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu:

Mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các ấp;

Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

2. Mức hỗ trợ: mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 40% chi phí đầu tư nhưng không vượt quá 500 triệu đồng/xã.

Điều 6. Hỗ trợ bố trí ổn định dân cư theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT

Hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bố trí ổn định dân cư: thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Điều 9 Nghị quyết số 42/2026/NQ-HĐND quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 7. Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu

1. Hỗ trợ các hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu xây mới và cải tạo, sửa chữa nhà ở theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng thực hiện một số nội dung triển khai thực hiện Hợp phần thứ nhất Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước 60 triệu đồng/căn đối với xây dựng mới nhà ở và 30 triệu đồng/căn đối với cải tạo, sửa chữa nhà ở. Riêng đối với đối tượng hộ chính sách: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 8. Hỗ trợ tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT

1. Việc hỗ trợ tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này cho một dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết không vượt quá 40% tổng chi phí thực hiện dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại điểm i khoản 1 Điều 19 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT

1. Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ một lần chi bảng hiệu, biểu tượng, biển hiệu nhận diện; quầy (tủ, kệ), trang thiết bị cần thiết (tủ đông, tủ mát, kệ, giá...) để bảo quản hàng hóa phù hợp theo yêu cầu đặc thù của sản phẩm và các nội dung cần thiết, phù hợp khác bên trong điểm bán hàng.

2. Mức hỗ trợ: mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa 40% tổng chi phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được phê duyệt nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/điểm.

Điều 10. Chi hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Chi hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND quy định nội dung,

mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Nguồn ngân sách nhà nước, gồm:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình;

b) Ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã) bố trí đối ứng theo khả năng cân đối ngân sách và dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

2. Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và nguồn tài trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 9 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2025;

b) Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

c) Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

d) Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Các nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC.

6. Đối với các nội dung chi và mức chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

7. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2026./

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBND tỉnh các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P. CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Ngô Chí Cường